

Bản án số: 04/2019/HS-ST  
Ngày 22-01-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Quang Dương;

2. Bà Phạm Thị Thúy Mùi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân, huyện Q, tỉnh Thái Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, huyện Q, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Q, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 100/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 01 năm 2019 đối với:

Bị cáo Nguyễn Văn N sinh năm 1963; nơi sinh: АД, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn X, xã АД, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 3/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L và bà: Nguyễn Thị G (*đều đã chết*); vợ: Vũ Thị T sinh năm 1964; con: Có 05, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án: có 01 tiền án: Tại bản án số 16/2015/HSST ngày 28/8/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Gi xử phạt 18 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 16/01/2009 bị Công an huyện Kr, tỉnh Gi xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; bị tạm giữ từ ngày 11/9/2018 đến ngày 14/9/2018 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an, huyện Q, tỉnh Thái Bình (*trích xuất có mặt tại phiên tòa*).

*Người chứng kiến:*

- Ông Trần Danh D sinh năm 1956; Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn B, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

- Anh Trần Danh T sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn B, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

*(Đều vắng mặt tại phiên tòa)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ ngày 11/9/2018, tổ công tác của đội cảnh sát điều tra Công an, huyện Q phối hợp với Công an thị trấn B, làm nhiệm vụ tại khu vực tổ 13, thị trấn B phát hiện Nguyễn Văn N đi bộ, có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy, yêu cầu N về trụ sở Công an thị trấn B để làm rõ. Tiến hành kiểm tra, thu giữ tại túi quần bên trái phía trước N đang mặc 01 gói nhỏ có đặc điểm: ngoài là giấy trắng có dòng kẻ, trong chứa chất bột màu trắng dạng cục. N khai đó là 01 gói ma túy vừa mua được với giá 100.000 đồng để sử dụng cho bản thân. Cơ quan Công an đã tiến hành lập biên bản theo quy định của pháp luật.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của N không thu giữ tài sản, đồ vật gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận giám định 339/KLGD-PC09 ngày 11/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận:

*“Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Heroin (Hêrôin), có khối lượng 0,3089 gam (Không phải ba nghìn không trăm tám mươi chín gam).*

*Hêrôin STT: 09, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ”.*

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều khai nhận: Do nghiện ma túy, nên khoảng 10 giờ ngày 11/9/2018, bị cáo đi bộ từ nhà ra đường liên AĐ, huyện Q rồi đi nhờ xe của một người đàn ông khoảng 50 tuổi, không quen biết đến thị trấn B, huyện Q để tìm mua ma túy sử dụng. Khi đến đường quốc lộ 10, khu vực cổng bệnh viện Đa khoa PD, thuộc địa phận tổ 13, thị trấn B, bị cáo xuống xe đi bộ vào đường gần cổng bệnh viện thì gặp, hỏi và mua của một người đàn ông khoảng 50 tuổi, không quen biết 01 gói nhỏ ma túy, có đặc điểm ngoài là lớp giấy trắng có dòng kẻ, trong chứa chất bột màu trắng dạng cục với số tiền là 100.000 đồng. Mua xong, bị cáo giấu gói ma túy vào trong túi quần bên trái phía trước rồi tiếp tục đi về tổ 13, thị trấn B tìm chỗ vắng để sử dụng thì bị tổ công tác phát hiện, bắt giữ theo quy định.

Bản cáo trạng số 03/CT-VKSQP ngày 18/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân, huyện Q, tỉnh Thái Bình truy tố Nguyễn Văn N về tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* theo điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Văn N về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; Về hình phạt: áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249, Điều 50, điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2018; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: tịch thu để tiêu hủy toàn bộ vật chứng là heroin thu được của bị cáo trong phong bì niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì; bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an, huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận do nghiện ma túy nên bị cáo đã đi mua ma túy về sử dụng cho bản thân nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ. Bị cáo đã đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng do Công an, huyện Q lập ngày 11/9/2018, lời khai của người chứng kiến, bản kết luận giám định cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

**Do đó có đủ cơ sở kết luận:** Khoảng 11 giờ ngày 11/9/2018, tại khu vực tổ 13, thị trấn B, huyện Q, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Văn N đã có hành vi cất giấu tại túi quần bên trái phía trước đang mặc 01 gói ma túy, loại hêrôin, có khối lượng 0,3089 gam (*Không phải ba nghìn không trăm tám mươi chín gam*) nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an, huyện Q phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

**“Điều 249 Tội tàng trữ trái phép chất ma túy**

*1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy, thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

*a) Đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*

*b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;*

*c) Hêrôin côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA, có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;*

*.....”*

Viện kiểm sát nhân dân, huyện Q truy tố bị cáo phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Tệ nạn ma túy đang là mối quan tâm, nhức nhối của toàn xã hội, ma túy làm ảnh hưởng đến kinh tế, sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, làm phát sinh đại dịch HIV/AIDS và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, bị cáo hiểu rõ tác hại của ma túy nhưng vì nghiện ma túy nên bị cáo đã phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi bị cáo đã gây ra, việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành thật khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, ngoài ra bị cáo còn có thời gian tham gia thanh niên xung phong, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tăng nặng trách nhiệm hình sự: Năm 2015, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Gi xử phạt 18 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là “*tái phạm*” quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân bị cáo thấy: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPVPHC ngày 16/01/2009 của Công an huyện Kr, tỉnh Gi xử phạt bị cáo 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Qua xác minh thấy không có căn cứ chứng minh bị cáo đã nộp tiền phạt, tuy nhiên xét về thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên thì bị cáo được coi là đã thi hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Tại trích lục tiền án, tiền sự của bị cáo thể hiện “năm 1995 có hành vi cưỡng đoạt tài sản công dân”, kết quả xác minh cho thấy: hành vi của bị cáo chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Như vậy, bị cáo là người có nhân thân xấu đã bị xử phạt vi phạm hành, chính mức phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc.

[7] Bị cáo là người đã bị giáo dục, cải tạo song bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo, vì vậy mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo như mức Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo Khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Như vậy, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, lại nghiện ma túy, điều kiện kinh tế khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Do không có căn cứ xác định người đã bán ma túy cho bị cáo nên cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý.

[10] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo 01 gói chứa chất bột màu trắng dạng cục, kết quả giám định kết luận là ma túy loại hêrôin và hoàn trả mẫu vật sau giám định, cần tịch thu để tiêu hủy là phù hợp quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2.Về hình phạt: Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249, Điều 50, điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 11/9/2018.

3.Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 0,2899 gam (*Không thấy hai nghìn tám trăm chín mươi chín gam*) mẫu gửi giám định được niêm phong trong phong bì hoàn mẫu vật sau giám định ghi số 339/KLGĐ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự, huyện Q, tỉnh Thái Bình ngày 18/12/2018.

4.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận**

- Bị cáo;
- VKSND h. Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an & Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- TAND & Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan THA hình sự CA tỉnh Thái Bình
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên**  
(*Đã ký*)